**TIẾT: 59**

**BÀI 28: DÃY SỐ TỰ NHIÊN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

-HS làm quen với dãy số tự nhiên; nhận biết được đặc điểm của dãy số tự nhiên.

-Vận dụng giải quyết được vấn để đơn giản liên quan đến dãy số tự nhiên.

-HS có cơ hội phát triển các năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đê' toán học và các phẩm chất trung thực, trách nhiệm.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

-GV: Các thẻ số dùng cho Khởi động, Tia số trong nội dung Cùng học (nếu cẩn).

-HS: SHS

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)** | | |
| -GV có thể cho HS chơi: **“Ai nhanh hơn?”**  G V gắn các thẻ số lên bảng -> HS (hai đội chơi) nhặt thẻ số gắn theo thứ tự từ 0 đến 12  Đội gắn xong trước và đúng thì thắng cuộc.  Ví dụ:  Description: Calendar  Description automatically generated  HS gắn thẻ theo thứ tự từ bé đến lớn:    -> G V gọi vài em đọc dãy số và hỏi: Các số này có tên gọi là gì? (số tự nhiên)  Còn các số tự nhién khác nữa không? (rất nhiêu)  GV giới thiệu: “Các số tự nhiên được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành **dày số tự nhiên”**  —> Giới thiệu bài. | | -Tham gia chơi  -Lắng nghe |
| **2. Khám phá, hình thành kiến thức mới**: (10 phút) | | |
| **2.1 Hoạt động 1 :Dãy số tự nhiên** | | |
| GV viết bảng: 0; 1;2;3;4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11;...  HS làm việc theo nhóm bốn, thực hiện các yêu cầu của GV:  ♦ Quan sát dãy số tự nhiên (trên bảng) và trả lời câu hỏi:  Số bé nhất là số mấy? Số lớn nhất là số mấy? Hai số hển nhau hơn kém nhau mấy đơn vị? Muốn tìm số hển sau của một số, ta làm thế nào? Muốn tìm -> số hển trước của một số, ta làm thể nào?  Khi sửa bài, khuyến khích nhiều nhóm trình bày(mồi nhóm / cầu).  GV kết luận (vừa vấn đáp, vừa chỉ vào dãy số tự nhién, cho ví dụ, đặt câu hỏi cho HS tham gia cùng GV chốt kiến thức).   * Số bé nhất là số nào? (0) * Số lớn nhất là số nào? (không có)   Vì sao? (Vì thêm 1 vào một số tự nhiên bất kì ta tìm được số hển sau nó.)  Ví dụ: Thêm 1 vào số 4 ta tìm được số hển sau nó là số nào? (5); thêm 1 vào số 12 ta tìm được số hển sau nó là số nào? (13);...  -> Dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi -> Nên các em thấy cuối dãy số tự nhiên có dấu ->  Bớt 1 ở một số tự nhiên khác 0, ta tìm được số hển ưước. Tại sao lại phải là số tự nhiên khác 0? Bớt 1 ở số 0 được không? (Không được, vì số 0 là số bé nhất, không có số tự nhiên bé hơn 0.)  Hai số tự nhiên hên tiếp nhau thì hơn kém nhau mấy đơn vị? (1) | | -Thực hiện  -Quan sát  -Trả lời  -Lắng nghe  -Trả lời  -Thảo luận nhóm đôi  -Trả lời |
| **2.2 Hoạt động 2: Biểu diễn dãy số tự nhiên trên tia số** | | |
| GV gắn (hoặc vẽ) tia số lên bảng -> HS điển số vào tia số.    HS (nhóm bổn) quan sát tia số, trả lời câu hỏi.  -Mỗi điểm trên tia số ứng với mấy số tự nhiên? (1)  -GV chỉ tay và hỏi: Điểm gốc của tia số là số mấy? (0)  -Với hai số tự nhiên trên tia số, số ở vị trí nào bé hơn, số ở vị trí nào lớn hơn? (Số bên trái bé hơn số bên phải; số bên phải lớn hơn số bên trái.)  GV (vừa nói vừa chỉ vào tia số):  -Có thể biểu diễn dãy số tự nhiên trên tia số.  -Mỗi số tự nhiên ứng với một điểm trên tia số.  -Số 0 ứng với điểm gốc của tia số.  -Với hai số tự nhiên trên tia số, số gần gốc 0 hơn là số bé hơn, số xa gốc 0 hơn là số lớn hơn.  -Tia số có thể kéo dài mãi, vì không có số lớn nhất. | | **-**Thực hiện  **-**Trả lời  -Trả lời  -Quan sát, nghe |
| **3 Hoạt động : Thực hành, luyện tập (10 phút)** | | |
| **1. Thực hành**  **Bài 1:**  HS làm theo nhóm ba.  Tìm hiểu bài, nhận biết yêu cẩu của bài: Viết ba số tự nhiên hên tiếp.  HS làm bài: một HS viết một sổ tự nhiên bẩt kì (không quá 8 chữ số) - một HS viết số liển trước - một HS viết số liền sau.  Khi sửa bài, khuyến khích nhiều nhóm HS **trình bày** (các em cẩm bảng lên đứng trước lớp theo thứ tự từ bé đến lớn) -> Cả lớp nhận xét Đọc các số theo thứ tự.  **2. Luyện tập**  **Bài 1:**  Nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biễt yêu cầu của bài:   * Tìm số liển sau. * Tìm số liền trước.Tìm số gần gốc o nhất (bé nhất), số xa gốc o nhất (lớn nhất) trong bốn số đã cho ở câu a và cầu b.   HS làm bài cá nhân rổi chia sẻ với bạn.  Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS nói.  Sửa bài: GV có thể tổ chức cho HS chơi tiếp súc để ghi kết quả vào bảng phụ, khuyến kh ích nhiều HS nói cách làm.  Ví dụ:  a) Số liền sau của 100 là 101.  Thêm 1 vào 100 được số hển sau là 101.  **Bài 2:**  GV cho HS đọcyêu cầu.  -HS thảo luận (nhóm bốn) tìm cách làm: Thêm 1 (câu a), thêm 2 (câu b và c), thêm 5 (câu d).  HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.  Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiều HS nói tại sao lại chọn số đó.  Ví dụ:   * Dãy số đếm thêm 1:   994; 995 = 994 + 1; 996 = 995 + 1; 997 = 996 + 1; 998 = 997 + 1;  998 + 1 = 999; 999 + 1 = 1000; 1 000 + 1 = 1001;...   * Dãy số chân (thêm 2): 0; 2; 4; 6; 8; 10; 12;14;... * Dãy số lẻ (thêm 2): 1; 3; 5; 7; 9; 11; 13; 15;...   Dãy số đếm thêm 5:  3; 8 = 3 + 5; 13 = 8 + 5; 18 = 13 + 5; 23 = 18 + 5;  23 + 5 = 28; 28 + 5 - 33; 33 + 5 = 38;... | -Thực hiện nhóm  -Thực hiện nhóm đôi    **-**Thực hiện  -Làm bài  -Đọc  -Thảo luận  -Làm bài  -Chia sẻ | |
| **4. Hoạt động vận dụng: (5 phút)**  GV cho HS đọc yêu cầu.  HS thảo luận (nhóm bốn) tìm cách làm: Tìm quy luật của dãy số. G V có thể gợi ý: Từ số thứ ba, số bằng tổng hai số liển trước nó.  HS làm cá nhân rổi chia sẻ trong nhóm.  Khi sửa bài, GV khuyến khích nhiễu HS nói tại sao lại chọn số đó. Ví dụ: 1; 1; 2 = 1 + 1; 3 = 1 + 2; 5 = 2 + 3; 8 = 3 + 5; 13 = 5 + 8;  8 + 13 = 21; 13 + 21 = 34; 21 + 34 = 55.  **5.Hoạt động củng cố và nối tiếp: (5 phút)**  - Dặn HS chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học | | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................